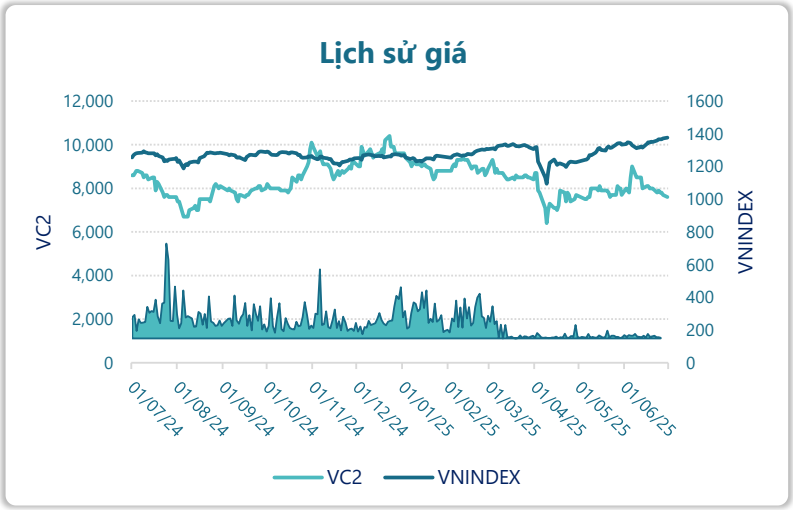
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng Vina2 (HNX: VC2)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,400
SL cổ phiếu LH	68,769,410
KLGD BQ 20 phiên (CP)	979,480
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	523
P/E	13.6
EPS	561

DT thuần

Q2/25

267

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 42.0| 18.5%

YoY: ▲ 29.0| 12.1%

LN sau thuế

Q2/25

4.35

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.52| 13.5%

YoY: ▼18.8| -81.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.6%

+/- YoY: ▼ 13.8%

DT thuần

6T 2025

492

tỷ VNĐ

YoY: ▼22.0| -4.3%

LN sau thuế

6T 2025

8.17

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.6| -67.1%

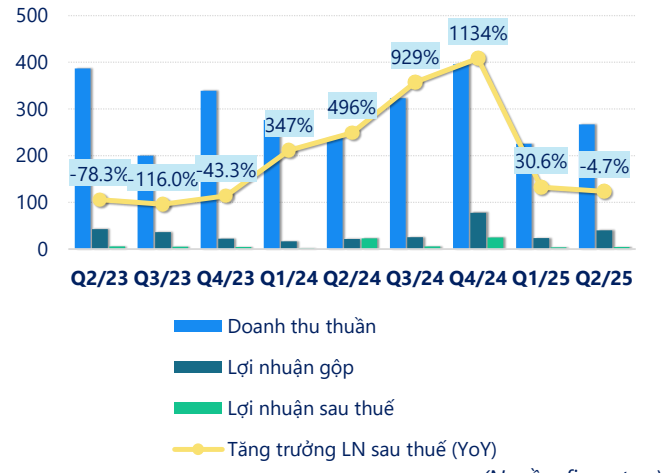
ROE

Q2/25

4.2%

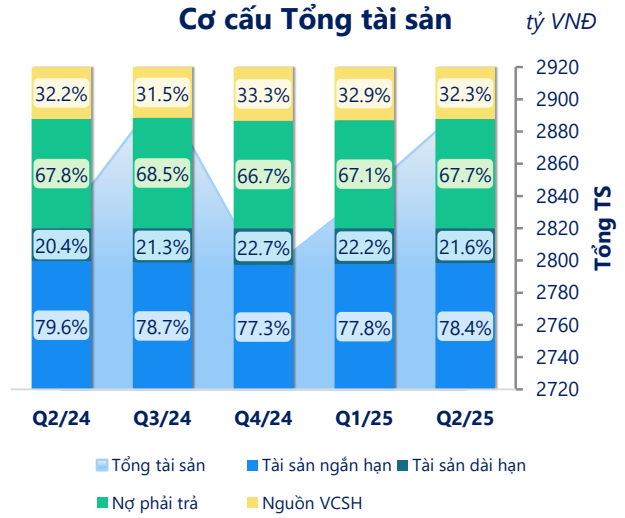
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



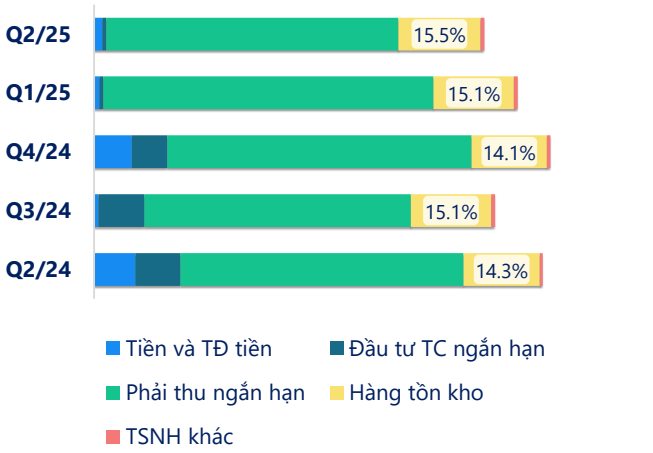
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



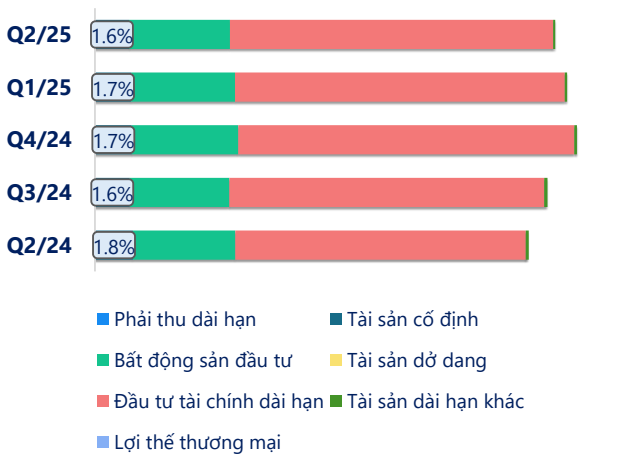
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



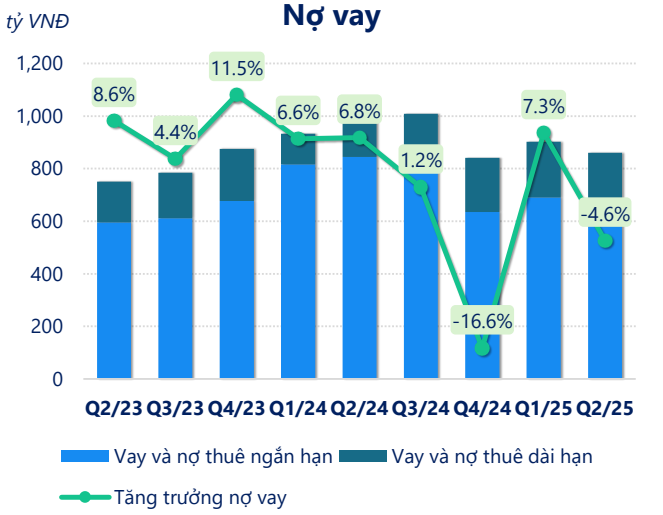
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



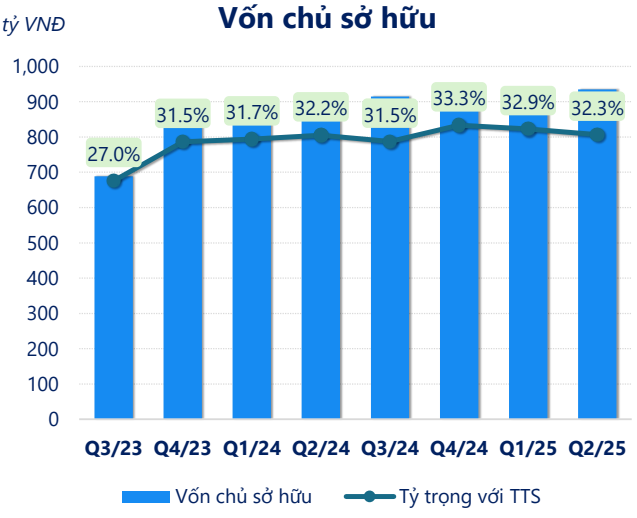
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



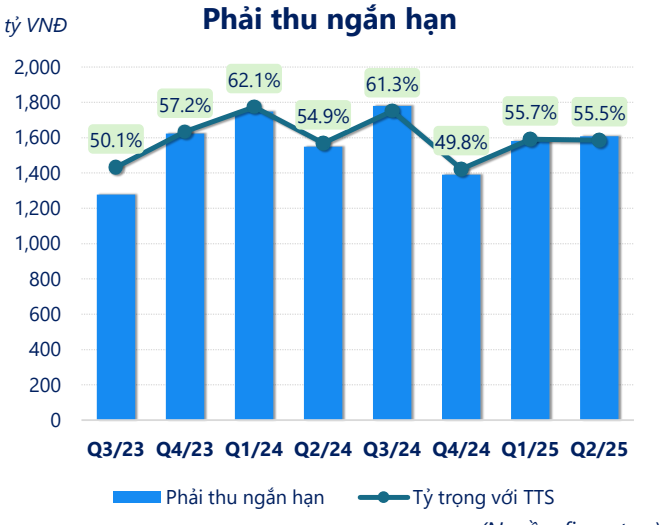
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



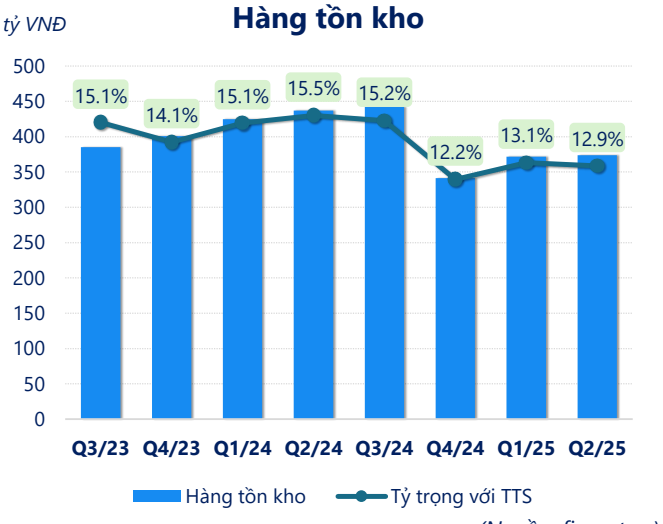
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



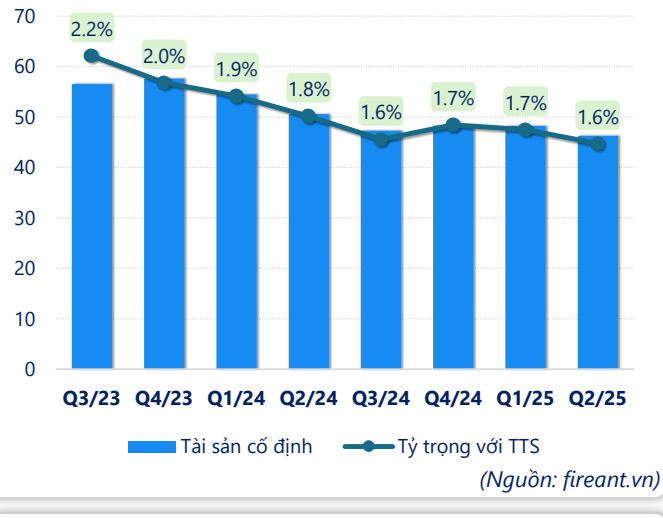
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



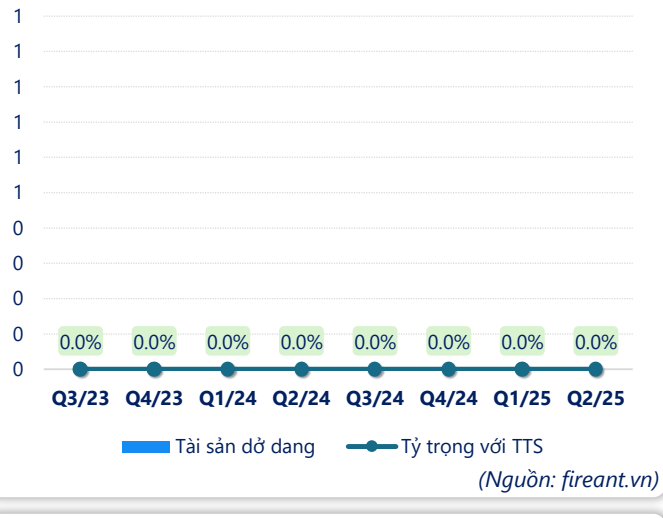
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



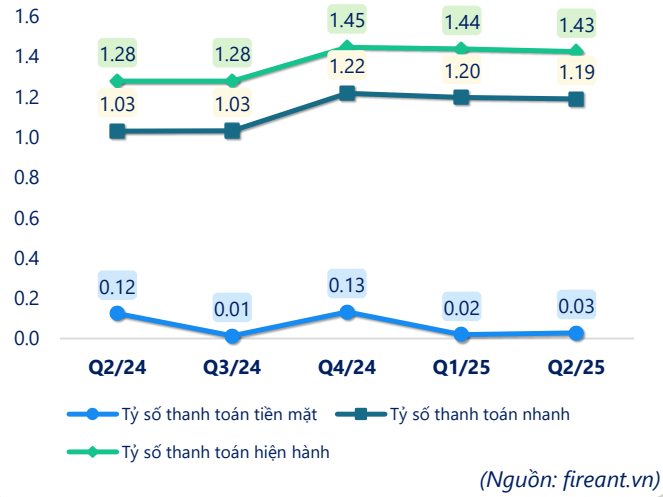
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



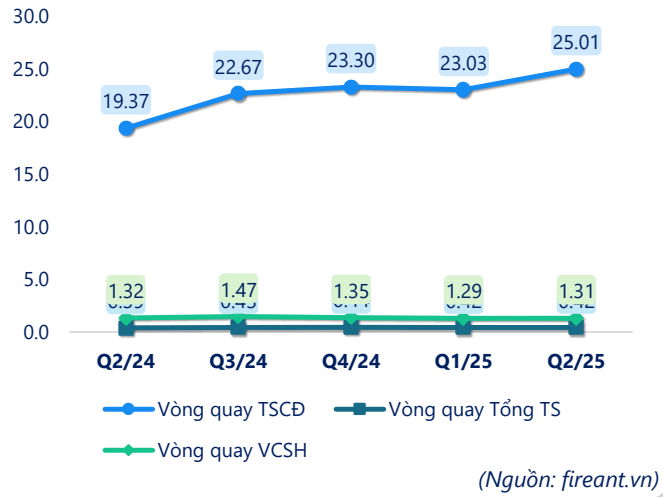
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,822**	**2,904**	**2,791**	**2,841**	**2,896**
Tài sản ngắn hạn	**2,246**	**2,286**	**2,159**	**2,210**	**2,270**
Tiền và tương đương tiền	218	24.2	197	28.4	45.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.3	22.3	220	219	222
Phải thu ngắn hạn	1,549	1,779	1,390	1,582	1,608
Hàng tồn kho	437	442	341	372	374
Tài sản ngắn hạn khác	21.2	18.7	10.5	9.86	20.8
Tài sản dài hạn	**576**	**618**	**632**	**631**	**627**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	50.6	47.3	48.3	48.2	46.3
Bất động sản đầu tư	136	136	140	139	137
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	385	430	441	440	440
Tài sản dài hạn khác	3.97	4.21	3.64	3.27	2.81
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,913**	**1,990**	**1,861**	**1,906**	**1,961**
Nợ ngắn hạn	**1,756**	**1,788**	**1,492**	**1,536**	**1,592**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	845	812	635	690	648
Phải trả người bán ngắn hạn	348	314	369	345	367
Nợ dài hạn	157	202	369	370	369
Vay và nợ thuê dài hạn	151	196	206	212	212
Nguồn vốn chủ sở hữu	**909**	**914**	**930**	**935**	**935**
Vốn chủ sở hữu	**909**	**914**	**930**	**935**	**935**
Vốn điều lệ	672	688	688	688	688
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)